TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông;

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST - DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú: Số B, ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Số D, ấp P, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số C (nay là số C), khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 12/4/2024, bà có cho bà Nguyễn Thị Hồng N vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), vay không lãi suất, mục đích bà N vay tiền là để làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời hạn vay tiền là đến ngày 12/6/2024, hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 12/4/2024, có bà N ký tên bên mượn. Đến thời hạn trả tiền vay bà liên hệ bà N yêu cầu trả tiền thì bà N hứa mà không thực hiện, đến thời gian sau bà N chặn luôn số điện thoại của bà, khi bà đến nhà tìm bà N thì không gặp được bà N.

Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Về án phí tuyên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bà N không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa bà N vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà T cho rằng vào ngày 12/4/2024, bà có cho bà Nguyễn Thị Hồng N vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay tiền là đến ngày 12/6/2024. Sau khi vay tiền, bà N không trả tiền vay cho bà theo thỏa thuận. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy mượn tiền đề ngày 12/4/2024.

Xét "Giấy mượn tiền đề ngày 12/4/2024" có nội dung: "Hôm nay ngày 12/4/2024, tôi tên Nguyễn Thị Hồng N sn 1983, số CCCD: 083183001205, hiện ngụ: 396B, khu phố E, F P, TPBT có mượn của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1967, số CCCD: 083167002934, hiện ngụ: 240, ấp T, xã S, G, BT với số tiền 30.000.000 (ba chục triệu đồng chẵn), nợ không lãi, đến ngày 12/6/2024 tôi hoàng trả lại".

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà N thông báo về việc thụ lý vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ cho bà N thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong đó có thể hiện Giấy mượn tiền đề ngày 12/4/2024, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà N không có gửi đến Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà T cũng như việc bà N có hay không có vay tiền của bà T. Như vậy, bà N đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72, Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong khi chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện rõ nội dung bà N có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 12/4/2024 và nay bà N còn nợ bà T số tiền 30.000.000 đồng.

Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bà N, qua xác minh Công an phường P xác định "bà N có đăng ký thường trú tại: Số C (nay là C), khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay không còn sinh sống địa phương". Căn cứ vào khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Dân sự quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: "Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ

đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn,...". Xét thấy bà N đang là bên có nghĩa vụ trong giao dịch vay tiền với bà T, bà N thay đổi nơi cư trú nhưng bà N không thông báo cho bà T biết nơi cư trú hiện nay của bà N được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà N còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

[5] Về phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Bà N phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 đồng (30.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 208, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 351, 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Hồng N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007902 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My